

Bản án số: 363/2020/HS-ST

Ngày 01 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lại Ngọc Hà và ông Đoàn Xuân Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Kiều, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 386/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn T, (tên gọi khác: "..."); sinh ngày 01 tháng 8 năm 1990, tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 8 khu 7, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T1 và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Mai Thị T; có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: ngày 17/5/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", buộc bị cáo phải nộp lại 5.500.000 đồng sung quỹ Nhà nước, phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 682.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 28/02/2020, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và đã thi hành xong phần dân sự của bản án; tiền sự: không; nhân thân: ngày 12/01/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Trộm cắp tài sản", buộc bị cáo phải nộp 50.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 43.700 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án; bị bắt tạm giam theo quyết định truy nã từ ngày 14/6/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Hoàng Văn T; sinh ngày 02 tháng 9 năm 1986, tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 2 khu 1, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn S (đã chết) và bà Hoàng Thị P (đã chết); có vợ là Vũ Thị N (đã ly hôn); có 01 con

sinh năm 2009; tiền án: ngày 15/12/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 27/01/2019 bị cáo chấp hành xong án phạt tù và đã thi hành xong phần dân sự của bản án; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 01/6/2020; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

3. Phạm Văn T; sinh ngày 20 tháng 9 năm 1980, tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 1, khu Yên Cư, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K (đã chết) và bà Vũ Thị N; có vợ là Nguyễn Thị Y; có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: ngày 28/10/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 03 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 17/11/2018, bị cáo chấp hành xong án phạt tù và đã thi hành xong phần dân sự của bản án; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 01/6/2020; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

4. Trần Văn C; sinh ngày 07 tháng 01 năm 1974, tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 1 khu Đại Đán, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Phạm Thị L; có vợ là Bùi Thu P (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2011; tiền án: ngày 28/10/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 04 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 17/9/2019 bị cáo chấp hành xong án phạt tù và đã thi hành phần dân sự của bản án; tiền sự: không; nhân thân: (1) Ngày 21/01/1992 bị Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, (2) Ngày 23/02/1993 bị Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, (3) ngày 17/9/1996 bị Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội xử phạt 15 năm tù về các tội “Cướp tài sản công dân” và “Cướp giật tài sản công dân”. Bị cáo bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ các bản án; bị bắt tạm giam từ ngày 01/6/2020; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

5. Lê Văn C; (tên gọi khác: “...”); sinh ngày 07 tháng 01 năm 1991, tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 33 khu 9, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Trịnh Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2020; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

6. Phạm Minh Đ; sinh ngày 04 tháng 04 năm 1996, tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 5 khu 1, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân

tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quang Q và bà Nguyễn Thị S; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2020; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

7. Nguyễn Văn T, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1994, tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 12 khu 4B, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: tổ 3 khu Yên Cư, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị P; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 28/10/2016, bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Cuồng đoạt tài sản”, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách từ ngày 28/10/2018 và đã thi hành xong phần dân sự của bản án; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; (đồng thời cũng là bị hại trong vụ án); có mặt.

** Các bị hại:*

1) Anh Ninh Hồng P, sinh năm: 1989; nơi cư trú: tổ 11, khu 5, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, (đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án); vắng mặt.

2) Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1994; nơi cư trú: tổ 12, khu 4B, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, (đồng thời cũng là bị cáo trong vụ án); có mặt.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

1) Anh Ninh Hồng P, sinh năm: 1989; nơi cư trú: tổ 11, khu 5, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (đồng thời cũng là bị hại trong vụ án); vắng mặt.

2) Anh Phạm Hồng N, sinh năm: 1993; nơi cư trú: tổ 4, khu 1, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

3) Anh Mạc Văn T, sinh năm: 2004; nơi cư trú: tổ 8, khu 1, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người giám hộ cho anh Mạc Văn T: Bà Đinh Thị N, sinh năm: 1980; nơi cư trú: tổ 8, khu 1, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

** Những người làm chứng:*

1) Chị Trần Thu H, sinh năm: 1994; nơi cư trú: tổ 48, khu 5, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2) Anh Hoàng Văn C, sinh năm: 1988; nơi ĐKKHTT: tổ 2, khu 1, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: tổ 1, khu 4, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

3) Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1959; nơi cư trú: tổ 23, khu 3, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

4) Ông Ngô Văn T, sinh năm: 1960; nơi cư trú: tổ 23, khu 3, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn T nghi ngờ chị Trần Thu H nhiều lần rủ vợ mình là chị Mai Thị T đi chơi và có quan hệ xã hội không đúng mực với người đàn ông khác. Đêm ngày 19/4/2020, T nhắn tin vào điện thoại lăng mạ và đe dọa chị H. Sau đó, chị H điện thoại kể lại việc mâu thuẫn với T cho bạn trai của mình là Hoàng Văn Tg biết. T gọi điện hẹn gặp T tại nhà của H để nói chuyện, giải quyết mâu thuẫn giữa hai người, T đồng ý. Khoảng 19 giờ ngày 20/4/2020, T rủ Nguyễn Văn T, Trần Văn C, Phạm Văn T cùng đi đến nhà chị H để gặp T. Cả nhóm đi xe taxi biển kiểm soát 14A-313.98 do anh Hoàng Văn C (là em ruột T) điều khiển và không mang theo hung khí gì. Khi đến cách nhà chị H khoảng 30 - 40m, C cho xe dừng lại, ngồi trong xe ô tô chơi điện thoại chờ, còn T, T, C và T vào nhà H ngồi chơi nói chuyện chờ T đến.

Về phía Vũ Văn T, trước khi đi gặp T, do sợ T hẹn đến để đánh, T đã gọi điện rủ Phạm Minh Đ, Phạm Hồng N, Ninh Hồng P và Lê Văn C chuẩn bị hung khí đi cùng, nếu bị nhóm của T đánh thì đánh lại. Đ, N, P và C đều đồng ý. Khi nhận cuộc gọi của Thành thì Đ và Mạc Văn T đang ở nhà Đ. Đ đi xe mô tô, mang theo 01 thanh kiếm tự chế dài khoảng 01m, thấy vậy Thắng nói: “*Anh đi đâu cho em đi theo với*” và nhảy lên ngồi sau xe Đ. T từ nhà mình mang theo một gậy bóng chày bọc kim loại. P đi xe mô tô từ nhà mình mang theo 01 dao quắm. Cả nhóm tập trung ở ngõ nhà N, thì thấy N từ nhà đi ra mang theo 01 tuýp sắt. Cả bọn giấu số hung khí trên vào bụi cây, rồi đi ra dốc Cầu Trắng, phường Hồng Hà để đón C đi xe mô tô từ thành phố Uông Bí xuống. Đón được C, cả nhóm quay về ngõ nhà N thì dừng lại. Đ và T vào lấy số hung khí vừa cất giấu rồi đưa cho mọi người, T đưa cho C chiếc gậy bóng chày, sau đó cả bọn đến khu nhà trọ của chị H để gặp T.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T chở C, Đ chở T đến trước cửa nhà H thì dừng lại, xe của P chờ N tụt lại phía sau chưa thấy đến. Lúc này, Phạm Văn T đang đứng hút thuốc ngoài sân nhà H nhìn thấy tốp T đến, liền đi vào nhà nói với mọi người: “*Bọn thằng T mang đồ đến*”. T liền lấy tuýp sắt ở cửa nhà H rồi cùng Toàn và T đi ra, T nói với nhóm của T: “*Chúng mày đến nói chuyện hay đánh nhau*”, đồng thời T lao vào vụt một nhát nhưng trượt qua lưng T. T bỏ chạy vào trong ngõ. T và T đuổi theo nhưng không kịp, nên quay lại. Cùng lúc đó T cầm 01 viên gạch lát nền xông đến chỗ Đ, Đ dùng kiếm chém về phía T, nhưng T dùng viên gạch đỡ được. C xông vào dùng gậy bóng chày đập một nhát trúng vào mu bàn tay trái của T gây thương tích. Lúc này, T chỉ đứng nhìn, không có lời nói, hành động gì. C, Đ cùng chạy ra lấy xe rồi chở T bỏ chạy. Sau khi đuổi T không được, quay lại thấy T bị đánh đau, T liền lấy một con dao quắm ở cạnh bờ tường trước công nhà H, rồi

hồ: “*Đuổi theo*”. T mang theo một thanh sắt, C đang ngồi trong nhà nghe thấy tiếng T hô, liền cầm theo hai dao loại chặt xương lấy trong bếp nhà H, T cầm một đoạn gậy gỗ, tất cả đuổi theo xe của Đ và C. Khi đến nơi đỗ xe ô tô của C, thì bọn T thấy xe mô tô của P chở N trên tay cầm dao quắm, tuýp sắt đi đến. Thấy xe Đ và xe C bỏ chạy, P cũng quay xe chở N bỏ chạy theo. Thấy vậy, T chạy đến mở cửa xe ô tô kéo C ra khỏi xe và nói: “*Xuống*”, đồng thời T lên lái xe chở T, T, C đuổi theo. Khi đuổi đến lối rẽ vào chợ Hoà Bình, thuộc tổ 23 khu 3, phường Hà Trung, thấy xe mô tô của P dừng lại, N ngồi sau xe P nhảy xuống cầm tuýp sắt bỏ chạy thoát. Cả nhóm T xuống xe vây quanh để đánh P. P dùng dao khua về phía trước để chống trả nhưng không trúng ai. Thấy dao của P dài hơn nên C lùi lại phía sau hỗ trợ bên ngoài, còn T, T và T xông vào quây P. T dùng dao quắm chém phạt 01 nhát về phía đỉnh đầu P, 01 nhát và mạn sườn trái làm P bị ngã. T lao đến ghì P xuống, giằng dao của P ném ra. T ôm chân P thì bị P đạp, T liền dùng tuýp sắt vụt 02 nhát vào chân P. T xông vào dùng gậy gỗ vụt 02 nhát vào người P. Sau đó, thấy P bị đánh đau chảy nhiều máu nên cả nhóm đưa P lên xe ô tô, rồi T lái xe đến đón Hoàng Văn C ở cạnh đường rồi lái xe chạy về hướng Bệnh viện Bãi Cháy để đưa P và T đi cấp cứu, nhưng dọc đường P đòi xuống xe, nên khi qua cầu Bãi Cháy (đoạn đường cảng Cái Lân), cả nhóm cho P xuống xe. Sau đó, P đi xe taxi lên Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh để cấp cứu, gọi điện báo cho gia đình, trình báo cơ quan Công an.

Cơ quan điều tra đã khám nghiệm hiện trường, nhưng không phát hiện dấu vết đồ vật gì. Ngày 21/4/2020, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Trần Văn C 01 (một) dao dài 28cm, lưỡi dao bằng kim loại sáng màu rộng 8,8cm, có cán bằng kim loại dài 12cm; 01 (một) dao dài 32cm, lưỡi dao bằng kim loại sáng màu dài 19cm bản rộng 09cm, cán dao bằng gỗ dài 13cm. Ngày 29/4/2020, Mạc Văn T tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 (một) thanh kiếm tự chế bằng kim loại tối màu dài 82,2cm, phần lưỡi dài 66,8cm, bản rộng 03cm, một lưỡi sắc, phần cán bằng gỗ sơn đen dài 15,4cm. Đây là số hung khí các bị cáo C, Đ đã dùng để đánh nhau hồi 20 giờ ngày 20/4/2020. Đối với số vật chứng khác gồm: gậy bóng chày, dao quắm, đoạn gậy bằng kim loại, đoạn gậy gỗ, các đối tượng dùng làm hung khí đánh nhau, sau đó đã vứt đi, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 218/20/TgT ngày 12/5/2020 của Trung tâm giám định pháp y Sở y tế tỉnh Quảng Ninh kết luận Ninh Hồng P bị thương tích như sau: Sẹo vết thương vùng thái dương đỉnh phải KT (6,5x0,2)cm: 02%; Sẹo vết thương vùng thái dương đỉnh trái KT (01x0,2)cm: 01%; Gãy xương đỉnh phải đường gãy xương dài 26cm, điện não đồ không có sóng điện não bệnh lý: 8%; Sẹo vết thương phần mềm khoang liên sườn V đường nách sau trái KT (01x0,2)cm: 1%; Gãy kín 1/3 giữa xương quay tay phải đã được phẫu thuật, nẹp vít: 08%; Sẹo vết mổ 1/3 giữa mắt trước cẳng tay phải KT (9,5x0,2)cm, sẹo dẫn lưu KT (0,5x0,4)cm: 02%+01%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là **21%** (Hai một phần trăm); vết thương vùng đầu và vết thương ngực trái do vật sắc; các vết thương còn lại do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 217/20/TgT ngày 12/5/2020 của Trung tâm giám định pháp y Sở y tế tỉnh Quảng Ninh kết luận: Nguyễn Văn T bị gãy kín xương ngón 3,4,5 tay trái, tổn hại **18%** (mười tám phần trăm) sức khỏe; tổn thương do vật tày tác động gây lên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Các bị cáo T, T, T và C đã bồi thường cho anh Ninh Hồng P số tiền 100.000.000 đồng và thừa nhận việc truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai nhận toàn bộ hành vi của mình và diễn biến quá trình xảy ra sự việc xô sát, gây thương tích giữa hai bên. Bị cáo T (cũng là bị hại trong vụ án) khai: Bản thân mình cũng bị nhóm của T đánh gây thương tích, tổn hại 18 % sức khỏe, nhưng bị cáo không yêu cầu bồi thường và xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo khác. Ngoài ra, T cùng gia đình các bị cáo T, T, C đã bồi thường cho anh Ninh Hồng P số tiền 100.000.000 đồng. Ninh Hồng P khai: Sau khi được T gọi điện thoại giải quyết mâu thuẫn giữa T với T, P biết là sẽ có thể xảy ra đánh nhau, nên P cầm dao quắm từ nhà mình đi gặp nhóm của T. Đến ngõ nhà N, cả nhóm giấu hung khí, đi đón C rồi cùng nhau đi gặp nhóm của T. Sở dĩ P và N đến nhà H sau nhóm của T vì gần qua chỗ trạm kiểm dịch Covid-19, Phú sợ bị kiểm tra nên giấu dao quắm bên vệ đường, sau khi không thấy có Công an mới quay lại lấy dao đi tiếp. Đến nơi không thấy ai, P và N đi về khu chợ Hòa Bình thì bị nhóm của T đánh. P có dùng dao quắm chém khua xung quanh để không cho nhóm của T lao vào đánh mình, nhưng không trúng ai. P bị đánh thương tích và đã nhận được 100.000.000 đồng tiền bồi thường của các bị cáo T, T, T và C và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Mạc Văn T khai: mình chỉ đi theo với mục đích để xem chứ không tham gia đánh nhau, khi đến điểm tập trung trước ngõ nhà N, T có cùng Đ đi lấy hung khí (dao quắm, tuýp sắt) đã giấu từ trước phát cho mọi người.

Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, những người làm chứng: Chị Trần Thu H khai: do T hiểu nhầm chị dẫn đến mâu thuẫn giữa hai bên, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến đánh nhau là do T gây ra, (tại phiên tòa, bị cáo T cũng thừa nhận điều này). Khi xảy ra đánh nhau trước cửa nhà chị, chị có con nhỏ và sợ nên ở trong phòng ngủ của nhà đóng cửa lại không biết gì. Các ông Nguyễn Văn V và Ngô Văn T đều có lời khai về sự việc mình đã chứng kiến nhóm của T đánh anh P tại phố Hòa Bình, phường Hà Trung như các bị cáo và bị hại đã khai. Anh Hoàng Văn C (em của bị cáo T) khai: mình là em trai của T, làm nghề lái xe taxi, có chở nhóm của anh T đi ăn sau đó mới chở về nhà chị H vào hôm xảy ra đánh nhau, anh ngồi ngoài xe cách xa nhà chị H nên không biết có việc đánh nhau giữa hai bên.

Tại bản Cáo trạng số: 279/CT-VKSHL ngày 03 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị can Vũ Văn T, Hoàng Văn T, Trần Văn C, Phạm Văn T, Lê Văn C, Phạm Minh Đ và Nguyễn Văn T, về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình

sự). Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng: điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T, Vũ Văn T, mỗi bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù; thời hạn tù của bị cáo T tính từ ngày 01/6/2020, thời hạn tù của bị cáo T tính từ ngày 14/6/2020.

- Áp dụng: điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; Các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T, Trần Văn C mỗi bị cáo từ 21 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2020.

- Áp dụng: điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; Các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Minh Đ từ 18 đến 21 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 28/5/2020.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 18 đến 21 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2020.

- Áp dụng: điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; Các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 đến 21 tháng tù (cho hưởng án treo) thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, kết hợp với gia đình quản lý giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thanh kiếm tự chế bằng kim loại; 01 (một) dao dài 28cm, lưỡi dao bằng kim loại; 01 (một) dao dài 32cm, lưỡi dao bằng kim loại các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ

quan điều tra Công an thành phố Hạ Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Trong vụ án này, sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa ngày 12/11/2020, nhận thấy có dấu hiệu của đồng phạm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung (02 lần), nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[1.3] Trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào về việc giao, gửi Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đối với bị cáo Nguyễn Văn Tiến cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để quản lý, giám sát là có sai sót, cần rút kinh nghiệm. Đối với năm sinh của bị cáo Hoàng Văn T, tại bản án của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã xét xử đối với bị cáo (án có hiệu lực pháp luật) ghi năm sinh của bị cáo là 1987. Trong hồ sơ vụ án này, Lý lịch bị can, danh bản, chỉ bản, sổ hộ khẩu và căn cước công dân của bị cáo đều ghi năm sinh là 1986. Bị cáo khai: thực tế bị cáo sinh năm 1987, nhưng các giấy tờ về nhân thân của bị cáo đều ghi năm sinh là 1986. Bị cáo thừa nhận toàn bộ tiền án, nhân thân của mình đã từng bị kết án nêu trên, nên việc đưa bị cáo ra xét xử là đảm bảo đúng người, đúng pháp luật.

[2] Về tội phạm:

[2.1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và những người làm chứng, phù hợp với Kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm giám định pháp y Sở y tế tỉnh Quảng Ninh kết luận vị trí, dấu vết thương tích trên cơ thể và tỷ lệ tổn hại phần trăm về sức khỏe của các bị hại, cùng những vật chứng và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: (1) Khoảng 20 giờ ngày 20/4/2020, do có mâu thuẫn giữa Vũ Văn T và Hoàng Văn T từ trước, Vũ Văn T đã rủ Phạm Minh Đ, Lê Văn C, Ninh Hồng P, Phạm Hồng N và Mạc Văn Th mang theo gậy bóng chày, dao quắm, kiếm đến đánh nhau với nhóm Hoàng Văn T, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T và Trần Văn C tại nhà của chị Trần Thu H ở tổ 48 khu 5, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Sau đó, Vũ Văn T, Lê Văn C, Phạm Minh Đ và Mạc Văn T đến trước, Ninh Hồng P và Phạm Hồng N đến sau. Nhóm của T đánh gây thương tích cho Nguyễn Văn T, tổn hại 18% (mười tám phần trăm) sức khỏe. Sau đó, cả nhóm bỏ chạy; (2) Hoàng Văn T, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T và Trần Văn C đuổi theo, đến tổ 23 khu 3, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh gặp Ninh Hồng P và Phạm Hồng N. Nhóm của T dùng dao quắm, tuýp sắt, gậy gỗ đánh

gây thương tích cho anh Phú, tổn hại 21% (hai một phần trăm) sức khỏe, Phạm Hồng N chạy thoát.

[2.2] Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng... hung khí nguy hiểm...;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”.

Dao, kiếm, ống tuýp sắt và gậy gỗ mà các bị cáo dùng làm công cụ gây thương tích cho các bị hại là hung khí nguy hiểm theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.3] Các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố các bị cáo là có cơ sở pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự, trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong nhân dân địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh.

[2.4] Xét tính chất đồng phạm và vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng do mâu thuẫn nhất thời, không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau từ trước nên không phải là phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, hai bị cáo T và T phạm tội lần này với vai trò là người cầm đầu, nên giữ vai trò chính và phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo C, Đ, T, T và C đồng ý tiếp nhận ý chí và có hành vi giúp sức cho T và T phạm tội, nên giữ vai trò sau và cũng phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của mình.

[2.5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, T, T và C đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *“Tái phạm”* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52, được giải thích theo khoản 1 Điều 53 của Bộ luật hình sự.

[2.6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị hại cũng có lỗi và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự về các tình tiết này cho tất cả các bị cáo. Các bị cáo T T, C và T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại nên được áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo C và Đ có nhân thân tốt, tham

gia thực hiện tội phạm với vị trí, vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án có đồng phạm nên được áp dụng thêm tình tiết “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, theo hướng dẫn tại Công văn số: 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao. Bị cáo Toàn có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo T có bố đẻ là thương binh hạng 4 và bị cáo Đ trước khi phạm tội đã thực hiện nghĩa vụ quân sự và được tặng Giấy khen và danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến (nhưng không thuộc tình tiết *Có thành tích xuất sắc trong công tác*), nên ba bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Gia đình bị cáo C có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có bác là liệt sỹ nhưng không có quan hệ trực tiếp nuôi dưỡng bị cáo, nên không được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về hình phạt: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án và hậu quả xảy ra, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm, phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hậu quả gây thương tích không lớn, các bên đã hòa giải với nhau, Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo, nhưng vẫn cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định không những nhằm trừng trị mà còn để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, phòng ngừa chung cho xã hội, đáp ứng được mục đích của hình phạt. Trong đó bị cáo T là người gây nên mâu thuẫn, chủ động chuẩn bị hung khí và hẹn gặp nhóm của T để giải quyết mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau, lại bị bắt theo quyết định truy nã nên phải chịu hình phạt cao nhất, sau đó đến bị cáo T. Các bị cáo C, Đ, T, T và C tham gia với vai trò giúp sức, giữ vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cho các bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên hệ bị truy tố. Riêng bị cáo T, giữ vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án, đồng thời cũng là bị hại, nhưng không yêu cầu bồi thường thiệt hại, lại chủ động cùng các bị cáo khác bồi thường cho bị hại, nên có đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục với một thời gian thử thách nhất định, trường hợp bị cáo vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong thời gian thử thách thì phải chấp hành hình phạt tù.

[4] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và những người làm chứng trong vụ án:

[4.1] Đối với Ninh Hồng P, Phạm Hồng N và Mạc Văn T: Quá trình điều tra và tại các phiên tòa cho thấy: P và N đã tiếp nhận ý chí của T, chủ động cầm dao quắm và tuýp sắt từ nhà đi giải quyết mâu thuẫn với nhóm của T. Chính Cáo trạng cũng kết luận như vậy. Sở dĩ P và N chưa kịp đến nhà chị H, chưa trực tiếp gây thương tích cho ai, do đi cùng xe mô tô và phải giấu hung khí nên đến muộn và không thuộc trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Mạc Văn T ban đầu không mong muốn tham gia

thực hiện tội phạm, nhưng T đi cùng Đ đến điểm tập trung ban đầu, T biết là sẽ có đánh nhau xảy ra, lại cùng Đ đi lấy hung khí phát cho mọi người. Việc xác minh, lấy ý kiến của bà N là di ruột của T cho rằng T sinh vào tháng 10 năm 2004, mà không có giấy khai sinh, không tiến hành xác minh lấy thông tin của những người biết việc sinh cùng thời điểm, địa điểm với T hoặc giám định tuổi của T là chưa thật sự đảm bảo khách quan và có đầy đủ căn cứ vững chắc để cho rằng T chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Tòa án nhận thấy có dấu hiệu của đồng phạm và đã trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung, nhưng Viện kiểm sát không thực hiện nội dung này. Những tài liệu, chứng cứ cần thu thập về những vấn đề này không thể bổ sung tại phiên tòa được. Do giới hạn số lần trả hồ sơ điều tra bổ sung và giới hạn của việc xét xử, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án và kiến nghị Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long xem xét, xử lý trách nhiệm các đối tượng này theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính công bằng giữa những đối tượng cùng tham gia thực hiện tội phạm và công bằng xã hội, cho dù những đối tượng này chỉ tham gia giúp sức, với vai trò thứ yếu và ở mức độ nhất định.

[4.2] Đối với anh C và chị H biết việc các bị cáo đánh nhau, nhưng không tham gia bàn bạc, không thực hiện tội phạm, nên không đủ cơ sở để xử lý theo quy định của pháp luật.

[5] Về vật chứng của vụ án: 01 (một) thanh kiếm tự chế và 02 (hai) con dao có lưỡi bằng kim loại là công cụ phạm tội, đã qua sử dụng, hiện không còn giá trị, cần tịch thu và tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn T, Hoàng Văn T, Trần Văn C, Phạm Văn T, Lê Văn C, Phạm Minh Đ và Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Căn cứ vào: điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; các khoản 1 và 3 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 14 tháng 6 năm 2020).

3. Căn cứ vào: điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; các khoản 1 và 3 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 01 tháng 6 năm 2020).

4. Căn cứ vào: điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 54; các khoản 1 và 3 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn C 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 01 tháng 6 năm 2020).

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 01 tháng 6 năm 2020).

5. Căn cứ vào: điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; các khoản 1 và 3 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn C 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 09 tháng 6 năm 2020).

+ Xử phạt bị cáo Phạm Minh Đ 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 28 tháng 5 năm 2020).

6. Căn cứ vào: điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; các khoản 1 và 3 Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 21 (hai mươi một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 42 (bốn mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01 tháng 12 năm 2020).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

7. Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, các điểm a và c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) thanh kiếm tự chế bằng kim loại; 01 (một) dao dài 28cm, lưỡi dao bằng kim loại; 01 (một) dao dài 32cm, lưỡi dao bằng kim loại, tình trạng theo Biên bản giao vật chứng số: 304/BB-THA ngày 16/9/2020 giữa Công an thành phố Hạ Long và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

8. Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Vũ Văn T, Hoàng Văn T, Trần Văn C, Phạm Văn T, Lê Văn C, Phạm Minh Đ và Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

9. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các bị cáo, bị hại, người có QLVN liên quan;
- VKSND TP. Hạ Long;
- Công an TP. Hạ Long;
- TAND T. Quảng Ninh;
- VKSND T. Quảng Ninh;
- THADS TP. Hạ Long;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lâm